

YẾU TỐ NỀN TẢNG KINH TẾ VÀ CÁC KẾT NỐI CỨNG ĐỂ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN TỈNH ĐẮK LẮK

Nguyễn Thanh Phương¹, Phạm Văn Trường¹

Ngày nhận bài: 31/3/2022; Ngày phản biện thông qua: 10/5/2022; Ngày duyệt đăng: 20/7/2022

TÓM TẮT

Dựa trên các số liệu thứ cấp thu thập được, bài viết này tập trung (i) nghiên cứu các yếu tố nền tảng kinh tế cho phát triển công nghiệp chế biến tỉnh Đắk Lắk, (ii) nghiên cứu các kết nối cứng cho phát triển công nghiệp chế biến tỉnh Đắk Lắk và (iii) đưa ra một số giải pháp nhằm cải thiện các yếu tố nền tảng kinh tế, kết nối cứng cho phát triển công nghiệp chế biến. Kết quả phân tích cho thấy các nền tảng kinh tế và kết nối cứng cho phát triển công nghiệp chế biến tại Đắk Lắk như thể chế - thủ tục hành chính, cơ sở hạ tầng (đặc biệt là đường giao thông)... còn hạn chế. Để góp phần thúc đẩy sự phát triển ngành công nghiệp chế biến, trong thời gian tới cần tiếp tục cải thiện những yếu tố này.

Từ khóa: *Nền tảng kinh tế, kết nối cứng, công nghiệp chế biến.*

1. MỞ ĐẦU

Các yếu tố nền tảng kinh tế và kết nối cứng như điều kiện tự nhiên, hệ thống giao thông, điện, viễn thông, thể chế... có vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, trong đó có ngành công nghiệp chế biến. Hiện nay, “hoàn thiện thể chế, kết cấu hạ tầng đang là 2 trong 3 đột phá chiến lược mà Chính phủ đang tiến hành đề đẩy mạnh tái cơ cấu nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng” (Hùng, 2018).

Đắk Lắk là một tỉnh nằm trung tâm ở khu vực Tây Nguyên được đánh giá có lợi thế về vùng nguyên liệu để phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm sản. Tuy nhiên, các yếu tố nền tảng kinh tế và kết nối cứng để phát triển công nghiệp chế biến như thủ tục hành chính, hệ thống giao thông... cũng còn hạn chế. Những hạn chế như vậy đã làm chi phí hoạt động của các doanh nghiệp chế biến nông, lâm sản trong tỉnh Đắk Lắk cao hơn các vùng khác, từ đó giảm hiệu quả hoạt động doanh nghiệp cũng như làm giảm động lực để thu hút sự đầu tư mới của các doanh nghiệp chế biến nông, lâm sản vào địa bàn tỉnh.

Do đó, việc đánh giá các yếu tố nền tảng, các kết nối cứng và đề xuất các giải pháp có liên quan sẽ có ý nghĩa đối với sự phát triển của lĩnh vực công nghiệp chế biến tại địa phương này trong thời gian tới.

2. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Nội dung nghiên cứu

- Nội dung các yếu tố nền tảng kinh tế cho phát triển công nghiệp chế biến tỉnh Đắk Lắk sẽ đề cập các khía cạnh gồm: Xây dựng và hoàn thiện thể chế, pháp lý, cải cách thủ tục hành chính; Điều

kiện đất đai – khí hậu; Hệ thống thủy lợi; Hệ thống điện; Hệ thống khu, cụm công nghiệp.

- Nội dung các kết nối cứng cho phát triển công nghiệp chế biến tỉnh Đắk Lắk sẽ đề cập các khía cạnh gồm: Hệ thống đường giao thông; Hệ thống trung tâm thương mại; Hệ thống viễn thông.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp thu thập số liệu: Bài viết sử dụng số liệu thứ cấp để phục vụ cho quá trình phân tích, đánh giá. Các số liệu thứ cấp được thu thập gồm: Một số nghiên cứu có liên quan, báo cáo của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh. Tài liệu được thu thập từ UBND tỉnh Đắk Lắk, internet.

Phương pháp phân tích: Bài viết sử dụng phương pháp thống kê mô tả và thống kê so sánh. Trong đó, thống kê mô tả được sử dụng để mô tả mức độ, quy mô các khía cạnh của chủ đề nghiên cứu, còn thống kê so sánh được sử dụng để phân tích sự khác biệt, thay đổi một số chỉ tiêu nghiên cứu theo thời gian.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Các yếu tố nền tảng kinh tế cho phát triển công nghiệp chế biến tỉnh Đắk Lắk

3.1.1. Xây dựng và hoàn thiện thể chế, pháp lý, cải cách thủ tục hành chính

Dựa trên các chỉ đạo của Trương ương trong thời gian vừa qua, chính quyền tỉnh Đắk Lắk cũng chú trọng công tác hoàn thiện thể chế, pháp lý, cải cách hành chính và đạt được một số kết quả tích cực như sau:

¹Khoa Kinh tế, Trường Đại học Tây Nguyên;

Tác giả liên hệ: Nguyễn Thanh Phương, ĐT: 0943067275, Email: ntpuong@ttn.edu.vn.

Bảng 1. Tình hình thực hiện cơ chế 1 cửa và áp dụng internet trong cung cấp dịch vụ công

Chỉ tiêu	2018
Dịch vụ trực tuyến cấp độ 4	3.192
Dịch vụ trực tuyến cấp độ 3	614
Hồ sơ tiếp nhận theo cơ chế một cửa liên thông	189.596
Tiếp nhận và trả kết quả qua bưu chính (Có thực hiện; Không thực hiện)	Có

Nguồn: Y Thanh Hà và cộng sự (2019).

- Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông (hệ thống iGate) và áp dụng triệt để hệ thống chính quyền điện tử (i-Desk) trong giải quyết các thủ tục hành chính đã đáp ứng nhanh hơn và tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, trong đó có các doanh nghiệp chế biến nông, lâm sản (DNCCBNLS) khi thực hiện các giao dịch với chính quyền. Đến nay, hệ thống iGate đã cung cấp 614 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 192 dịch vụ công trực tuyến mức độ 4; tiếp nhận 189.596 hồ sơ theo cơ chế một cửa liên thông. UBND tỉnh cũng đã áp dụng việc tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích, mở rộng phương thức giao dịch.

Bảng 2. Thời gian và hình thức đăng ký kinh doanh

Chỉ tiêu	Quy định	2018
Thời gian giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp (ngày)	3	1
Thời gian lấy ý kiến thẩm định đối với hồ sơ đề xuất dự án đầu tư (ngày)	15	7
Tiếp nhận và xử lý hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nộp qua mạng điện tử (2016 - 2018)	-	1.241
Tỷ lệ đăng ký doanh nghiệp qua hình thức mạng điện tử (%)	0,66	8,9

Nguồn: Y Thanh Hà và cộng sự (2019).

- Về lĩnh vực đăng ký doanh nghiệp: Sở Kế hoạch và Đầu tư đã giảm thời gian giải quyết 26 thủ tục đăng ký kinh doanh cho doanh nghiệp từ 03 ngày theo quy định xuống còn 01 ngày, thực hiện đăng ký doanh nghiệp trên Hệ thống đăng ký kinh doanh góp phần làm giảm chi phí gia nhập thị trường của doanh nghiệp, trong đó có các DNCCBNLS; tiếp tục khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp sử dụng phương thức đăng ký qua mạng điện tử; rút ngắn thời gian lấy ý kiến thẩm định đối với hồ sơ đề xuất dự án đầu tư từ 15 ngày theo Luật Đầu tư xuống còn 07 ngày làm việc. Từ năm 2016 đến 2018, đã tiếp nhận và xử lý 1.241 hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nộp qua mạng điện tử. Số lượng

đăng ký doanh nghiệp qua hình thức này tăng từ 0,66% năm 2016 lên 8,9% năm 2018 trong tổng số hồ sơ tiếp nhận.

- Về thủ tục cấp phép xây dựng và các thủ tục liên quan:

+ Sở Xây dựng thực hiện rút ngắn thời gian đối với các thủ tục hành chính như: Cấp phép xây dựng từ 30 ngày theo quy định xuống còn 10 ngày, thẩm định thiết kế cơ sở từ 20 ngày xuống còn 15 ngày đối với dự án nhóm B, 10 ngày đối với dự án nhóm C; thẩm định thiết kế bản vẽ thi công từ 30 ngày còn 25 ngày đối với công trình cấp II, cấp III và từ 20 ngày còn 15 ngày đối với các công trình còn lại.

Bảng 3. Thời gian thực hiện các thủ tục cấp phép xây dựng

Chỉ tiêu	Quy định	2018
Thời gian cấp phép xây dựng (ngày)	30	10
Thời gian thẩm định thiết kế cơ sở dự án nhóm B (ngày)	20	15
Thời gian thẩm định thiết kế cơ sở dự án nhóm C (ngày)	20	10
Thời gian thẩm định thiết kế bản vẽ thi công công trình cấp II, III (ngày)	30	25
Thời gian thẩm định thiết kế bản vẽ thi công công trình còn lại (ngày)	20	15

Nguồn: UBND tỉnh Đắk Lắk (2018).

+ Cảnh sát PCCC tỉnh thực hiện rút ngắn thời gian thẩm duyệt thiết kế về PCCC từ 10 ngày xuống còn 07 ngày; chấp thuận địa điểm xây dựng công trình từ 05 ngày xuống còn không quá 03 ngày; đối với thiết kế cơ sở rút ngắn từ 10 ngày xuống còn 07 ngày đối với dự án nhóm A, từ 05 ngày xuống còn 03 ngày đối với dự án nhóm B và C; đối với thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi

công rút ngắn từ 15 ngày xuống còn 10 ngày đối với dự án, công trình nhóm A; từ 10 ngày xuống còn 07 ngày đối với dự án, công trình nhóm B và C; rút ngắn thời gian tổ chức kiểm tra nghiệm thu về PCCC từ 07 ngày còn 05 ngày.

Bảng 4. Thời gian thực hiện các thủ tục phòng cháy, chữa cháy

Chỉ tiêu	2016	2018
Thời gian thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy chữa cháy (PCCC) (ngày)	10	7
Thời gian chấp thuận địa điểm xây dựng công trình (ngày)	5	3
Thời gian thiết kế cơ sở dự án nhóm A (ngày)	10	7
Thời gian thiết kế cơ sở dự án nhóm B, C (ngày)	5	3
Thời gian thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công dự án nhóm A (ngày)	15	10
Thời gian thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công dự án nhóm B, C (ngày)	10	7
Thời gian tổ chức kiểm tra nghiệm thu về PCCC (ngày)	7	5

Nguồn: UBND tỉnh Đắk Lắk (2016, 2018).

- Về tiếp cận điện năng: Sở Công Thương đã phối hợp với Điện lực Đắk Lắk và UBND các huyện, thị xã, thành phố rút ngắn thời gian cấp điện cho khách hàng (bao gồm cả DNCBNLS) đối với lưới điện trung áp trên không là 20 ngày, trung áp đi ngầm là 28 ngày (áp dụng đối với công trình trạm biến áp dưới 2MVA).

- Về lĩnh vực thuế: Cục Thuế tỉnh đã thực hiện rút ngắn thời gian cho ý kiến về việc sử dụng hóa đơn đặt in, tự in của người nộp thuế từ 05 ngày xuống còn 02 ngày; rút ngắn thời gian nộp thuế xuống còn 117 giờ/năm; sử dụng duy nhất 01 hệ thống dịch vụ thuế điện tử tích hợp tạo thuận lợi cho chủ thể nộp thuế trong các giao dịch điện tử với cơ quan thuế; đẩy mạnh việc kê khai thuế qua mạng, nộp thuế điện tử, hoàn thuế điện tử, khuyến khích các doanh nghiệp nói chung, DNCBNLS nói riêng sử dụng hóa đơn điện tử, hỗ trợ người nộp thuế qua email, teamviewer... tạo thuận lợi và giảm thiểu chi phí khi thực hiện nghĩa vụ thuế cho chủ thể nộp thuế.

Bảng 5. Thời gian cung cấp dịch vụ điện lực

Chỉ tiêu	2018
Thời gian cấp điện cho khách hàng đối với lưới điện trung áp trên không	20
Thời gian cấp điện cho khách hàng đối với lưới điện trung áp ngầm	28

Nguồn: UBND tỉnh Đắk Lắk (2018).

Bảng 6. Thời gian và hình thức các thủ tục thuế

Chỉ tiêu	2016	2018
Thời gian cho ý kiến về việc sử dụng hóa đơn đặt in, tự in của người nộp thuế (ngày)	5	2
Thời gian nộp thuế (giờ/năm)	-	117
Doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử (doanh nghiệp)	-	314
Tỷ lệ doanh nghiệp đăng ký kê khai thuế qua mạng (%)	-	100
Tỷ lệ doanh nghiệp đăng ký nộp thuế điện tử với Ngân hàng thương mại (%)	-	99,67
Tỷ lệ tiền thuế nộp vào ngân sách nhà nước được thực hiện qua giao dịch điện tử (%)	-	97,61
Doanh nghiệp được giải quyết thủ tục hoàn thuế điện tử (doanh nghiệp)	-	28

Nguồn: Y Thanh Hà và cộng sự (2019).

Trong năm 2018, có 314 doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử, 100% doanh nghiệp đăng ký kê khai thuế qua mạng, 99,67% doanh nghiệp đăng ký nộp thuế điện tử với Ngân hàng thương mại, 97,61% số tiền thuế nộp vào NSNN được thực hiện qua giao dịch điện tử; 28 doanh nghiệp được giải quyết thủ tục hoàn thuế điện tử.

giao dịch điện tử). Đến nay, toàn tỉnh có hơn 40% đơn vị sử dụng lao động đăng ký tham gia giao dịch Bảo hiểm xã hội điện tử với cơ quan Bảo hiểm xã hội.

- Về lĩnh vực Bảo hiểm xã hội:

Bảo hiểm xã hội tỉnh đã cập nhật 27 thủ tục hành chính thuộc 05 lĩnh vực thuộc thẩm quyền giải quyết (giảm 04 thủ tục so với trước đây), đa dạng hóa nhiều phương thức tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thủ tục hành chính (trực tiếp tại bộ phận “một cửa”, qua dịch vụ bưu chính công ích, qua

- Về lĩnh vực hải quan: Cục Hải quan tỉnh cũng đã cập nhật đầy đủ chức năng vào hệ thống một cửa quốc gia E.custom V.5, đảm bảo các chứng từ điện tử được khai thác, sử dụng thông qua cơ chế một cửa quốc gia; tăng cường phân tích thông tin, thiết lập kịp thời tiêu chí lựa chọn kiểm tra nhằm quản lý rủi ro và giảm tỷ lệ kiểm tra thực tế hàng hóa, kiểm tra chi tiết hồ sơ, giảm thời gian thông quan hàng hóa. Theo đó, Cục Hải quan tỉnh đã giảm thời gian thông quan cho các lô hàng luồng

xanh còn từ 01 đến 03 giây, luồng vàng còn trung bình 1 giờ 30 phút, luồng đỏ còn trung bình 06 giờ; nhờ đó, thời gian thông quan/giải phóng hàng hóa

xuất nhập khẩu qua biên giới cũng được rút ngắn, đối với tờ khai xuất khẩu là 08 phút 56 giây; đối với tờ khai nhập khẩu là 15 giờ 40 phút.

Bảng 7. Tình hình các thủ tục hải quan

Chỉ tiêu	2018
Thời gian thông quan cho các lô hàng luồng xanh	1 đến 3 giây
Thời gian thông quan cho các lô hàng luồng vàng	1 giờ 30 phút
Thời gian thông quan cho các lô hàng luồng đỏ	6 giờ
Thời gian thực hiện tờ khai xuất khẩu	8 phút 56 giây
Thời gian thực hiện tờ khai nhập khẩu	15 giờ 40 phút
Tỷ lệ doanh nghiệp nộp thuế xuất - nhập khẩu qua Ngân hàng thương mại và trực tiếp tại Kho bạc nhà nước (%)	100

Nguồn: UBND tỉnh Đắk Lắk (2018).

Công tác phối hợp thu ngân sách Nhà nước giữa Kho bạc - Thuế - Hải quan và các Ngân hàng thương mại đối với doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu tiếp tục được triển khai có hiệu quả, 100% các khoản thu ngân sách Nhà nước được doanh nghiệp nộp qua Ngân hàng thương mại và trực tiếp tại Kho bạc nhà nước.

- Về lĩnh vực tài nguyên và môi trường:

Sở Tài nguyên và Môi trường đã tiến hành rà soát và tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định

số 2750/QĐ-UBND ngày 03/10/2017 về công bố bộ thủ tục hành chính (TTHC) trong lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở, trong đó: rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục thẩm định nhu cầu sử dụng đất để giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá từ 30 ngày xuống còn 25 ngày; rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục đăng ký quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất từ 18 ngày xuống còn 14 ngày; các thủ tục lĩnh vực Tài nguyên nước – khí tượng thủy văn được rút ngắn từ 5 đến 10 ngày...

Bảng 8. Tình hình thực hiện các thủ tục về tài nguyên và môi trường

Chỉ tiêu	2016	2018
Thời gian thực hiện thủ tục thẩm định nhu cầu sử dụng đất để giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu (ngày)	30	25
Thời gian thực hiện thủ tục đăng ký quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất (ngày)	18	14
Tỷ lệ số hộ gia đình, cá nhân trong tỉnh vẫn chưa được cấp quyền sử dụng đất mặc dù một số diện tích này đủ điều kiện để cấp quyền sử dụng đất (%)	-	9,63
Thời gian thực hiện thủ tục lĩnh vực Tài nguyên nước – khí tượng thủy văn được rút ngắn	-	5 đến 10 ngày

Nguồn: UBND tỉnh Đắk Lắk (2016, 2018).

- Về giải quyết tranh chấp hợp đồng, phá sản doanh nghiệp:

Thực hiện cải cách thủ tục hành chính tư pháp theo đúng tinh thần của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Luật phá sản 2014 và nâng cao hiệu quả công tác thi hành án. Tuy nhiên, thời gian giải quyết tranh chấp hợp đồng và giải quyết phá sản doanh nghiệp chưa được rút ngắn theo yêu cầu của Nghị quyết 35/NQ-CP, do việc giải quyết tranh chấp hợp đồng và giải quyết phá sản doanh nghiệp cần được thực hiện thống nhất theo các quy trình tố tụng được pháp luật quy định hoặc theo văn bản hướng dẫn do Tòa án nhân dân tối cao ban hành. Vì vậy, việc UBND tỉnh phối hợp với Tòa án nhân dân tỉnh và Cục Thi hành án dân sự tỉnh để ban hành văn bản

phối hợp rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục này là chưa đảm bảo cơ sở.

Bên cạnh các thay đổi tích cực và các thành tựu đạt được thì khía cạnh thể chế, pháp lý, cải cách hành chính tại tỉnh Đắk Lắk cũng còn một số hạn chế như sau:

+ Theo chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI Việt Nam, công tác đăng ký doanh nghiệp mới, thay đổi đăng ký kinh doanh của tỉnh Đắk Lắk vẫn còn cao hơn một số tỉnh, thành phố khác trong nước như Bà Rịa Vũng Tàu, Hưng Yên, Khánh Hòa, Đồng Tháp... điều này cũng sẽ làm ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của các chủ thể kinh tế trong tỉnh.

+ Tỉnh Đắk Lắk đã thực hiện cơ chế một cửa,

một cửa liên thông (hệ thống iGate) và áp dụng hệ thống chính quyền điện tử (i-Desk) trong giải quyết các thủ tục hành chính tuy nhiên công tác này vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn. Các dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 vẫn chưa nhiều và hiện tại nhiều người dân trên địa bàn tỉnh vẫn chưa tiếp cận được các dịch vụ theo hình thức này. Ngoài ra, tỉnh Đắk Lắk đã áp dụng cơ chế một cửa nhưng để giải quyết nhiều thủ tục hành chính, người dân vẫn thường phải qua nhiều đơn vị, bộ phận hành chính khác nhau.

+ Thời gian thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy, chữa cháy, thời gian cung cấp điện, thời gian thực hiện các thủ tục hải quan trong tỉnh đã được rút ngắn, tuy nhiên khoảng thời gian thực hiện hoạt động này vẫn còn cao, điều này cũng sẽ tạo ra cản trở cho hoạt động đầu tư mới nói chung, thu hút DNCBNLS nói riêng.

+ Công tác nộp thuế đã có những cải cách quan trọng trong thời gian qua tuy nhiên các chủ thể sản xuất, kinh doanh vẫn tốn khoảng 117 giờ/năm để thực hiện hoạt động nộp thuế, đây cũng là một khoảng chi phí của các chủ thể kinh tế trong địa bàn tỉnh.

+ Vẫn còn nhiều chủ thể sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh (khoảng 50%) chưa tiếp cận được hoặc chưa sử dụng các dịch vụ điện tử để thực hiện các thủ tục bảo hiểm xã hội.

Thế chế, pháp lý và thủ tục hành chính là một trong những cơ sở để các nhà đầu tư chế biến nông, lâm sản xem xét đưa ra quyết định đầu tư. Những thay đổi tích cực về thế chế, pháp lý và thủ tục hành chính ở trên sẽ giúp thu hút thêm nhiều vốn đầu tư vào lĩnh vực chế biến nông, lâm sản, tuy nhiên, các hạn chế còn tồn tại sẽ làm giảm lợi thế của tỉnh Đắk Lắk trong việc thu hút vốn đầu tư vào lĩnh vực chế biến nông, lâm sản so với các địa phương khác.

3.1.2. Điều kiện đất đai – khí hậu

a. Điều kiện đất đai

Theo UBND tỉnh Đắk Lắk (2020), toàn tỉnh có 8 nhóm đất phân ra 23 đơn vị đất đai. Các nhóm đất chính là: Nhóm đất phù sa – ký hiệu P: Diện tích 55.206 ha chiếm 4,21% diện tích tự nhiên, địa hình bằng phẳng, phân bố ven sông Krông Ana, sông Krông Nô. Nhóm đất đỏ vàng – ký hiệu F: Diện tích 958.517 ha chiếm 73,03% diện tích tự nhiên, phân bố tập trung tại các khối Bazan Buôn Ma Thuột và Ea H'Leo. Đất hình thành và phát triển trên các cao nguyên Bazan, bề mặt tương đối bằng, đất có độ dốc dưới 15% chiếm trên 62%, tầng đất dày 1 (trên 100 cm) chiếm 40,68%. Đây là một trong những điều kiện rất quan trọng để phát

triển các loại cây công nghiệp dài ngày, tạo lợi thế về nguồn nguyên liệu để phục vụ cho công nghiệp chế biến nông, lâm sản tại tỉnh Đắk Lắk. Nhóm đất xám và bạc màu – ký hiệu X;B: Diện tích 144.822 ha, chiếm 11,03% diện tích đất tự nhiên, phân bố ở hầu hết các huyện và chủ yếu trên dạng địa hình bằng, đất có độ dốc dưới 15% là 136.716 ha, chiếm 94,4%. Đất có độ phì thấp, phản ứng rất chua, lân tổng số nghèo, lân dễ tiêu rất nghèo. Nhóm đất đen – ký hiệu R: Diện tích 27.081 ha chiếm 2,06% diện tích đất tự nhiên, phân bố xung quanh các miệng núi lửa, vùng rìa các khối Bazan và các thung lũng Bazan, phân bố chủ yếu trên dạng địa hình bằng, đất có độ dốc dưới 15% là 18.248 ha, chiếm 68,77% và tập trung ở các huyện Cư M'gar, Krông Pắc, thành phố Buôn Ma Thuột... Nhóm đất xói mòn trơ sỏi đá – Ký hiệu E: Diện tích 27.538 ha, chiếm 2,1 diện tích tự nhiên, phân bố chủ yếu ở huyện Ea H'Leo (20.780 ha), huyện Ea Súp (5.604 ha), chủ yếu phân bố ở địa hình độ dốc lớn. Ngoài ra, còn nhóm đất mùn vàng đỏ trên núi (H), đất thung lũng do sản phẩm dốc tụ (D) phân bố rải rác ở các huyện trong tỉnh.

b. Điều kiện khí hậu

Theo UBND tỉnh Đắk Lắk (2020), khí hậu toàn tỉnh Đắk Lắk được chia thành hai tiểu vùng. Vùng phía Tây Bắc có khí hậu nắng nóng, khô hanh về mùa khô; vùng phía Đông và phía Nam có khí hậu mát mẻ, ôn hoà.

Khí hậu sinh thái nông nghiệp của tỉnh được chia ra thành 6 tiểu vùng: Tiểu vùng bình nguyên Ea Súp chiếm 28,43% diện tích tự nhiên. Tiểu vùng cao nguyên Buôn Ma Thuột – Ea H'Leo chiếm 16,17% diện tích tự nhiên. Tiểu vùng đồi núi và cao nguyên M'Drăk chiếm 15,82% diện tích tự nhiên. Tiểu vùng đất ven sông Krông Ana – Sêrêpôk chiếm 14,51% diện tích tự nhiên. Tiểu vùng núi cao Chư Yang Sin chiếm 3,98% diện tích tự nhiên. Tiểu vùng núi Rlang Dja chiếm 3,88% diện tích tự nhiên.

Nhìn chung khí hậu khác nhau giữa các dạng địa hình và giảm dần theo độ cao: vùng dưới 300 m quanh năm nắng nóng, từ 400 – 800 m khí hậu nóng ẩm và trên 800 m khí hậu mát.

- Nhiệt độ trung bình ở độ cao 500 - 800m từ 22 - 23°C, vùng có độ cao thấp như Buôn Ma Thuột nhiệt độ trung bình 23,7°C, M'Drăk nhiệt độ 24°C. Tổng nhiệt độ/năm cũng giảm dần theo độ cao. Biên độ nhiệt trong ngày lớn, có ngày biên độ đạt 20°C, biên độ nhiệt giữa các tháng trong năm không lớn.

- Lượng mưa trung bình nhiều năm toàn tỉnh đạt từ 1.600 -1.800 mm, trong đó vùng có lượng

mưa lớn nhất là vùng phía Nam (1.950 - 2.000 mm); vùng có lượng mưa thấp nhất là vùng phía Tây Bắc (1.500 - 1.550 mm). Lượng mưa trong 6 tháng mùa mưa chiếm 84% lượng mưa năm, mùa khô lượng mưa chiếm 16%.

- Độ ẩm không khí: trung bình năm khoảng 82%, tháng có độ ẩm cao nhất là tháng 9 trung bình 90% tháng có độ ẩm thấp nhất là tháng 3 trung bình 70%.

- Lượng bốc hơi: lượng bốc hơi các tháng 2, 3, 4 từ 150 - 200 mm. Tổng lượng bốc hơi trung bình năm 1.300 - 1.500mm, bằng 70% lượng mưa năm.

- Chế độ nắng: tổng số giờ nắng bình quân hàng năm khá cao khoảng 2.139 giờ, năm cao nhất 2.323 giờ, năm thấp nhất khoảng 1.991 giờ. Trong đó mùa khô số giờ nắng trung bình cao hơn (1.167 giờ) so với mùa mưa (972 giờ).

- Chế độ gió: có 2 hướng gió chính theo 2 mùa, mùa mưa gió Tây Nam thịnh hành thường thổi nhẹ cấp 2, cấp 3. Mùa khô gió Đông Bắc thịnh hành thổi mạnh cấp 3, cấp 4 có lúc gió mạnh lên cấp 6, cấp 7. Mùa khô gió tốc độ lớn thường gây khô hạn.

Với các điều kiện khí hậu như trên, cùng với điều kiện đất đai, Đắk Lắk được đánh giá là địa phương rất phù hợp với sự sinh trưởng, phát triển của nhiều loại cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả có giá trị kinh tế cao. Đây là một trong những điều kiện giúp hình thành các vùng nguyên liệu và cung cấp nguyên liệu đầu vào cho lĩnh vực công nghiệp chế biến nông sản tại tỉnh Đắk Lắk.

3.1.3. Hệ thống thủy lợi

Việc đầu tư xây dựng công trình thủy lợi ở Đắk Lắk phát triển khá nhanh được phân thành 3 giai đoạn:

“Giai đoạn 1975-1985: Đầu tư xây dựng công trình thủy lợi để phát triển sản xuất lương thực, đây là giai đoạn có phong trào làm thủy lợi khá mạnh và rộng khắp” (UBND tỉnh Đắk Lắk, 2020).

“Giai đoạn 1986-1999: Đầu tư xây dựng thủy lợi để mở rộng diện tích trồng cà phê, đây là giai đoạn xây dựng nhiều hồ chứa nhỏ, phần lớn các công trình được xây dựng bằng nguồn vốn của các đơn vị nông, lâm trường, trạm trại và các doanh nghiệp cà phê” (UBND tỉnh Đắk Lắk, 2020).

“Giai đoạn từ năm 2000 đến 2020: Việc đầu tư xây dựng công trình thủy lợi đã chú ý đến quy hoạch, tuy nhiên việc đầu tư xây dựng mới không nhiều, chủ yếu đầu tư vào công trình trọng điểm và công trình sửa chữa nâng cấp, kiên cố hóa kênh mương” (UBND tỉnh Đắk Lắk, 2020).

“Tỉnh Đắk Lắk có khoảng 770 công trình thủy lợi, gồm: 599 hồ chứa, 115 đập dâng, 56 trạm bơm

tưới và 1 hệ thống đê bao (chưa bao gồm các công trình có diện tích tưới không đáng kể); kiên cố hóa kênh mương các loại được 1.108,95 km/2.031,71 km. Tổng diện tích cây trồng được tưới trực tiếp từ công trình thủy lợi là 133,9 nghìn ha” (UBND tỉnh Đắk Lắk, 2020).

“Hiện nay, Đắk Lắk được đánh giá là một trong những tỉnh có hệ thống thủy lợi khá phát triển trong vùng Tây Nguyên (UBND tỉnh Đắk Lắk, 2020). Đây cũng là lợi thế để phát triển nguồn nguyên liệu như cà phê, hồ tiêu, điều để phục vụ cho ngành chế biến nông, lâm sản tại tỉnh Đắk Lắk.

3.1.4. Hệ thống điện

Theo Y Thành Hà Niê KĐăm và cộng sự (Y Thành Hà và cs., 2019), mạng lưới cung cấp điện của Đắk Lắk ngày càng được tăng cường cả về số lượng và chất lượng, đảm bảo cung cấp điện ổn định cho sản xuất và sinh hoạt. Hiện nay, hệ thống điện Đắk Lắk gồm 19 nhà máy thủy điện với tổng công suất 825,005 MW, điện lượng trung bình năm là 3.889 triệu KWh; 05 nhà máy điện mặt trời với công suất 152 MW, điện lượng trung bình năm là 278,5 triệu KWh; 01 nhà máy điện gió với công suất 28,8 MW, điện lưới trung bình năm là 110 triệu KWh. Hệ thống lưới điện trên địa bàn tỉnh gồm: đường dây 500kV, 220kV, 110kV, 35kV, 22kV, 10kV, 0,4kV. Toàn tỉnh có 02 trạm biến áp 220 kV với tổng công suất là 690 MVA; 12 trạm biến áp 110kV với tổng công suất là 648 MVA; 01 trạm biến áp 35 kV; 01 trạm biến áp 22kV và 10/0,4 kV; 407.640 công tơ 1 pha và 28.312 công tơ 3 pha. Hiện nay 100% xã, phường trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk có điện lưới quốc gia và 94,5% thôn, buôn đã có điện. Tỷ lệ số hộ được dùng điện sinh hoạt ước đạt 95%. Tuy nhiên, điện phục vụ sản xuất còn thiếu, đặc biệt là vào mùa khô.

Các thành tựu đối với phát triển hệ thống điện sẽ giúp hoạt động chế biến nông, lâm sản trên địa bàn tỉnh được thực hiện ổn định hơn, tuy nhiên tình trạng thiếu điện, đặc biệt vào mùa khô sẽ gây khó khăn nhất định đối với hoạt động của các chủ thể trên.

3.1.5. Hệ thống khu, cụm công nghiệp

Khu, cụm công nghiệp được xem là cơ sở để các doanh nghiệp hoạt động, đặc biệt là các doanh nghiệp chế biến nông, lâm sản. Hiện nay, tỉnh Đắk Lắk đã hoàn thành và công bố quy hoạch 02 khu công nghiệp (Hòa Phú và Phú Xuân) và 14 cụm công nghiệp với tổng diện tích 1.349,58 ha. Hiện mới chỉ có khu công nghiệp (KCN) Hòa Phú và 8 cụm công nghiệp (CCN) đang hoạt động (Tân An 1, Tân An 2, Ea Ral, Ea Lê, Ea Dar, Krông Búk 1, M’Drăk, Cư Kuin) (UBND tỉnh Đắk Lắk, 2018).

Hạ tầng kỹ thuật các khu công nghiệp đã được đầu tư cơ bản đáp ứng yêu cầu sử dụng của các nhà máy trong KCN. Tuy nhiên, việc phát triển các công trình hạ tầng xã hội cho người lao động tại KCN chưa được đầu tư dù đã có kêu gọi đầu tư, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị này còn nhiều khó khăn (UBND tỉnh Đắk Lắk, 2018).

Ngoài ra, đối với các cụm công nghiệp, do nguồn vốn khó khăn, quy mô các CCN nhỏ nên hầu hết các cụm công nghiệp chưa được đầu tư cơ sở hạ tầng xã hội và hoàn toàn sử dụng cơ sở hạ tầng xã hội chung của xã, phường nơi có CCN.

Sự hình thành và đi vào hoạt động của các khu, cụm công nghiệp là điều kiện quan trọng giúp phát triển lĩnh vực công nghiệp chế biến nông, lâm sản trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Tuy nhiên, với những hạn chế trong việc đầu tư cơ sở hạ tầng tại các khu, cụm công nghiệp sẽ làm giảm sức hút của các nhà đầu tư chế biến nông, lâm sản vào địa bàn tỉnh.

3.2. Các kết nối cứng cho phát triển công nghiệp chế biến tỉnh Đắk Lắk

3.2.1. Hệ thống đường giao thông

Theo UBND tỉnh Đắk Lắk (2020), giao thông Đắk Lắk hiện tại có 03 loại hình chính: đường bộ, đường thủy và đường hàng không.

a. Đường bộ

Hệ thống giao thông đường bộ Đắk Lắk như sau:

- Mạng đường Quốc lộ: có tổng chiều dài 576,5 km gồm các tuyến Quốc lộ 26, 27, 29, 14, 14C. Tổng các cầu trên các đường Quốc lộ là 114 cầu với chiều dài 4.198,6m.

+ Quốc lộ 26 là quốc lộ bắt đầu từ trung tâm thị xã Ninh Hòa (Km 1420, quốc lộ 1, tỉnh Khánh Hòa) đến thành phố Buôn Ma Thuột (tỉnh Đắk Lắk), qua Dục Mĩ, đèo Phụng Hoàng, M'Đrăk, Ea Kar, Krông Păk, Buôn Ma Thuột.

+ Quốc lộ 27 là quốc lộ bắt đầu từ huyện Lâm Hà, Đam Rông (Lâm Đồng) đến thành phố Buôn Ma Thuột (tỉnh Đắk Lắk) qua Lăk, Krông Ana, Buôn Ma Thuột.

+ Quốc lộ 29 là quốc lộ bắt đầu từ huyện Sông Hinh (tỉnh Phú Yên) đến thành phố Buôn Ma Thuột qua các huyện Krông Năng, Ea Kar, thị xã Buôn Hồ.

+ Quốc lộ 14 là quốc lộ bắt đầu từ huyện Chư Sê (tỉnh Gia Lai) đến thành phố Buôn Ma Thuột qua các huyện Ea H'Leo, Krông Búk, thị xã Buôn Hồ, Cư M'Gar, thành phố Buôn Ma Thuột, huyện Cư Jút (tỉnh Đắk Nông).

+ Quốc lộ 14C bắt đầu từ thị trấn Plei Kần - huyện Ngọc Hồi - tỉnh Kon Tum. Quốc lộ 14C là

tuyến giao thông cấp quốc gia nối các địa phương Trung và Nam Tây Nguyên dọc biên giới Việt Nam - Campuchia. Quốc lộ 14C có lý trình như sau: Điềm đầu tại ngã ba giao cắt với Quốc lộ 19 ở xã Ea Nam, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai. Chạy qua các huyện: Đức Cơ - Chư Prông - Ea Súp - Buôn Đôn - Cư Jút - Đắk Mil - Đắk Song. Điềm cuối tại ngã ba giao cắt với Quốc lộ 14 ở phía Bắc thị trấn Đắk Song, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

- Mạng đường tỉnh: gồm 13 tuyến với tổng chiều dài 457 km, quy mô các tuyến đường tỉnh thuộc cấp IV miền núi, đường 02 làn xe. Tổng số cầu trên các tuyến đường tỉnh là 78 cầu với tổng chiều dài vào khoảng 1.190 m.

- Đường đô thị: hiện có 751,07 km. Các đường đô thị tập trung trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, thị xã Buôn Hồ và các thị trấn của huyện.

- Mạng đường huyện: có chiều dài 1403,82 km, các đường huyện thường là cấp V và cấp VI miền núi. Trên các đường huyện có khoảng 67 cầu với tổng chiều dài khoảng 937,8 m.

- Mạng đường xã và đường thôn, buôn: mạng đường xã của các huyện có chiều dài 3.220,07 km, hiện nay chỉ còn 03 xã chưa có đường tới trung tâm xã. Mạng đường thôn, buôn tương đối phát triển với tổng chiều dài 4.079,32 km.

- Đường chuyên dùng của các nông trường và lâm trường với tổng chiều dài khoảng 675 km, chủ yếu là đường đất.

b. Đường thủy

Đắk Lắk có khoảng 544 km đường sông do các sông Sêrêpôk, Krông Nô, Krông Ana... tạo thành. Tổng số phương tiện thủy nội địa đang hoạt động trên địa bàn một số huyện, thành phố hiện nay là 834 phương tiện. Hệ thống bến thủy nội địa gồm có 04 bến xếp cát là Quỳnh Ngọc, Giang Sơn, Lang Thái và Cư Pâm. Các bến đò ngang sông gồm có: Buôn Trấp, Bình Hòa, Quảng Điền, Krông Nô và Buôn Jun.

c. Đường hàng không

Cảng hàng không Buôn Ma Thuột đã có các chuyến bay tới thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đà Nẵng, Chu Lai, Vinh và ngược lại. Từ năm 2010, Cảng hàng không Buôn Ma Thuột đã được đầu tư, nâng cấp, cải tạo đường hạ cất cánh có chiều dài 3.000 m, rộng 45 m với các trang thiết bị phụ trợ, đèn đêm. Tháng 12/2011 đã đưa vào sử dụng nhà ga mới với tổng diện tích sàn 7.200 m², công suất 1 triệu hành khách/năm. Nhà ga mới đáp ứng 04 chuyến bay giờ cao điểm (2 chuyến đi, 2 chuyến đến) với loại máy bay Airbus 321 và tương đương, phục vụ 400 hành khách/giờ cao điểm (2 chiều). Thị trường hàng không tại Cảng hàng không Buôn

Ma Thuột trong mấy năm qua tăng trưởng khá cao, luôn ở mức trên 40%/năm.

Hệ thống giao thông trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk đã góp phần đảm bảo điều kiện đi lại, vận chuyển hàng hóa cho các chủ thể kinh tế trong tỉnh, trong đó có các DN CBNLS. Tuy nhiên, với thực trạng là chất lượng nhiều tuyến trong tỉnh được chưa được tốt, đặc biệt là hệ thống đường thôn, buôn, đường ở những khu vực sản xuất, cho nên chi phí đi lại, vận chuyển ở những khu vực này sẽ cao và sẽ tác động tiêu cực đến hiệu quả hoạt động của các DN CBNLS.

3.2.2. Hệ thống trung tâm thương mại

Toàn tỉnh Đắk Lắk hiện nay có 148 chợ, 07 siêu thị và trung tâm mua sắm tập trung chủ yếu tại thành phố Buôn Ma Thuột. Nhìn chung, hệ thống trung tâm mua sắm và siêu thị đã cơ bản đáp ứng nhu cầu mua sắm và phân phối hàng hóa của nhân dân, các chủ thể sản xuất – kinh doanh trong tỉnh, trong đó có các DN CBNLS. Các chợ đều cơ bản ổn định theo vị trí quy hoạch. Tuy nhiên phần lớn các địa điểm này đều được đánh giá mức độ hoạt động ở mức trung bình, tiêu dùng của người dân chưa lớn (Y Thanh Hà và cs., 2019), hệ thống trung tâm thương mại chưa tạo ra được lợi thế trong việc thu hút đầu tư phát triển lĩnh vực công nghiệp chế biến.

3.2.3. Hệ thống viễn thông

Trong những năm qua, hệ thống bưu chính, viễn thông của Đắk Lắk đã phát triển mạnh mẽ và rộng khắp trên địa bàn toàn tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thông tin liên lạc trong tỉnh, trong nước và quốc tế. Hiện nay, có 184/184 xã phường, thị trấn có điện thoại, đạt tỷ lệ 100%; mạng di động đã phủ sóng 15/15 huyện, thị xã, thành phố. Tốc độ phát triển máy điện thoại hàng năm tăng nhanh. Hiện nay, tổng thuê bao điện thoại khoảng 1.577.976 thuê bao (Cố định là 96.840 thuê bao, Di động là 1.481.136 thuê bao) đạt mật độ 87,83 thuê bao/100 dân. Tổng số thuê bao Internet khoảng 42.524 thuê bao, đạt mật độ 13,38 máy/100 dân; tỷ lệ người sử dụng 46,82% (UBND tỉnh Đắk Lắk, 2020). Sự phát triển hệ thống viễn thông của tỉnh Đắk Lắk đã góp phần cải thiện môi trường đầu tư và điều này là một trong những cơ sở quan trọng giúp thu hút nguồn vốn đầu tư vào tỉnh, trong đó có đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp chế biến nông, lâm sản.

3.3. Giải pháp

3.3.1. Cải cách thủ tục hành chính

Kết quả nghiên cứu ở trên cho thấy, mặc dù đã có nhiều thay đổi tích cực nhưng hiện vẫn còn những hạn chế và những hạn chế này sẽ tác động tiêu cực đến chi phí của các DN CBNLS, giảm hiệu

quả hoạt động của họ, cũng như làm giảm lợi thế của tỉnh Đắk Lắk trong việc thu hút vốn đầu tư mới vào lĩnh vực chế biến nông, lâm sản. Chính vì vậy, để thúc đẩy sự phát triển của lĩnh vực chế biến nông, lâm sản cần phải tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính. Để thực hiện được giải pháp này cần quan tâm đến các khía cạnh cụ thể sau:

Thứ nhất, cần thành lập khu dịch vụ hành chính công theo cơ chế một cửa, ở khu vực này sẽ cung cấp tất cả các dịch vụ hành chính công của một tỉnh theo cơ chế 1 cửa. Điều này sẽ giúp giảm chi phí vật chất và thời gian đi lại cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình tìm kiếm cơ quan cung cấp dịch vụ công.

Thứ hai, tạo cơ chế cạnh tranh khi thực hiện các dịch vụ để nâng cao chất lượng các dịch vụ này thông qua việc tạo cơ chế cho lĩnh vực tư nhân tham gia một số khía cạnh trong lĩnh vực này. Ngoài ra, cũng nên xem xét việc thực hiện cơ chế khoán và tạo tính cạnh tranh trong việc cung cấp dịch vụ công trong nội bộ các cơ quan cung cấp dịch vụ công của nhà nước để nâng cao hiệu quả của hoạt động này.

Thứ ba, đẩy mạnh việc cung cấp dịch vụ hành chính công trực tuyến dựa trên nền tảng internet và bưu điện. Trong đó, người dân có thể được cung cấp các dịch vụ hành chính bằng cách họ sử dụng internet kê khai và nhận được các kết quả qua internet hoặc bưu điện.

3.3.2. Tiếp tục đầu tư, hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng, trung tâm thương mại - tài chính

Kết quả đánh giá thực trạng cho thấy, hệ thống đường giao thông, khu – cụm công nghiệp, trung tâm thương mại – tài chính của tỉnh Đắk Lắk cũng còn những tồn tại, bất cập. Những yếu tố trên chưa thực sự tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình hoạt động của các DN CBNLS, cũng như tạo ra lợi thế để thu hút nguồn đầu tư mới vào lĩnh vực chế biến nông, lâm sản tại tỉnh Đắk Lắk. Chính vì vậy, cần phải tiếp tục đẩy mạnh đầu tư, hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng, trung tâm thương mại - tài chính trong thời gian tới. Để thực hiện giải pháp này cần xem xét các khía cạnh sau:

Tăng cường thu hút các nguồn lực để đầu tư vào hệ thống giao thông, thủy lợi, hạ tầng khu, cụm công nghiệp, đặc biệt là nguồn lực của khu vực tư nhân như: Xem xét cơ chế chính sách thực hiện đầu tư theo hình thức BOT đối với các công trình giao thông trong tỉnh, đầu tư các công trình thủy lợi, đầu tư hạ tầng ở các khu, cụm công nghiệp; Mở rộng đầu tư hệ thống đường giao thông nông thôn theo cơ chế vốn nhà nước tài trợ kết hợp với vốn đối ứng của người dân.

Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra và nâng cao hiệu quả quá trình đầu tư của nhà nước vào hệ thống giao thông, cụm công nghiệp, trung tâm thương mại. Trong đó cần chú ý: Đảm bảo tính minh bạch, công khai trong việc lựa chọn nhà thầu; Quá trình nghiệm thu các công trình phải được thực hiện chặt chẽ; Tăng cường trách nhiệm cho đơn vị giám sát thi công...

Tiếp tục ưu tiên phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước để hoàn thiện các công trình giao thông, khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Tạo cơ chế đặc biệt để thu hút sự đầu tư của các doanh nghiệp nước ngoài, các tập đoàn kinh tế lớn đầu tư vào tỉnh Đắk Lắk, đặc biệt là đầu tư trung tâm thương mại, đầu tư cơ sở du lịch...

Kiến nghị chính quyền địa phương xây dựng hệ thống đường sắt, đường cao tốc đi ngang địa bàn tỉnh Đắk Lắk, kết nối Đắk Lắk với khu vực miền Trung và miền Nam, nâng cấp hệ thống sân bay.

4. KẾT LUẬN

Đắk Lắk là tỉnh thuộc trung tâm của khu vực Tây Nguyên. Kết quả phân tích cho thấy, bên cạnh những lợi thế về đất đai, khí hậu để sản xuất nguồn nguyên liệu phục vụ chế biến nông, lâm sản, nhiều yếu tố nền tảng và kết nối cứng khác như hệ thống đường giao thông, thủ tục hành chính, khu – cụm công nghiệp... của tỉnh Đắk Lắk cũng có những hạn chế nhất định. Những hạn chế như vậy sẽ tác động tiêu cực đến chi phí hoạt động của doanh nghiệp chế biến nông, lâm sản, giảm hiệu quả hoạt động của họ và cũng làm giảm sức hút trong việc thu hút các nhà đầu tư mới đầu tư vào lĩnh vực chế biến nông, lâm sản của tỉnh Đắk Lắk. Từ kết quả trên, bài viết cũng đề xuất một số giải pháp nhằm cải thiện các yếu tố nền tảng kinh tế và các kết nối cứng để phát triển công nghiệp chế biến tỉnh Đắk Lắk trong thời gian tới.

ECONOMIC FOUNDATION FACTORS AND HARD CONNECTIONS FOR THE DEVELOPMENT OF THE PROCESSING INDUSTRY IN DAK LAK PROVINCE

Nguyen Thanh Phuong², Pham Van Truong²

Received Date: 31/3/2022; Revised Date: 10/5/2022; Accepted for Publication: 20/7/2022

SUMMARY

Based on the collected secondary data, this paper focuses on (i) studying economic foundation factors for the development of the processing industry in Dak Lak province, (ii) investigating the hard connections for the development of the processing industry in Dak Lak province, and (iii) proposing some solutions to improve the economic fundamentals and hard connections for developing the processing industry. The analysis results show that the economic foundations and hard connections for the development of the processing industry in Dak Lak such as institutions - administrative procedures, and infrastructure systems (especially traffic roads) are still limited. It is necessary to continue to improve these factors to promote the development of the processing industry in the coming time.

Keywords: *economic foundation factors, hard connections, processing industry.*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Hùng, M. (2018). *Thực hiện ba đột phá chiến lược về thể chế, nhân lực và kết cấu hạ tầng*. Nguồn từ <https://dangcongsan.vn/thoi-su/thuc-hien-3-dot-pha-chien-luoc-ve-the-che-nhan-luc-va-ket-cau-ha-tang-507056.html>

UBND tỉnh Đắk Lắk (2016). *Báo cáo Kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm*

²Faculty of Economics, Tay Nguyen University;

Corresponding author: Nguyen Thanh Phuong, Tel: 0943067275, Email: ntpuong@ttn.edu.vn.

quốc phòng – an ninh của tỉnh Đắk Lắk năm 2016.

UBND tỉnh Đắk Lắk (2018). *Báo cáo Kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng – an ninh của tỉnh Đắk Lắk năm 2018.*

UBND tỉnh Đắk Lắk (2020). *Quyết định 865/QĐ-UBND ngày 27/4/2020 về việc phê duyệt Đề án tăng cường và nâng cao chất lượng hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp gắn với liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn tỉnh Đắk Lắk năm 2020 và định hướng đến năm 2030.*

Y Thanh Hà, N.K., Phương, N.T., Dung, B.T.L.D. (2019). *Vai trò của chính quyền tỉnh Đắk Lắk trong việc thúc đẩy thu hút đầu tư tư nhân phát triển kinh tế.* Tạp chí Kinh tế và Dự báo, Số 31 tháng 11/2019 (713) – Năm thứ 52, Tr 94-97